

Bản án số: 516/2024/HC-PT

Ngày: 11 - 6 - 2024

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định cưỡng chế thu hồi đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 156/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định cưỡng chế thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1423/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Hà Thị L, sinh năm 1946 (vắng mặt);

Cư trú: Số A tổ D, đường C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Hà Thị L:

1/Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1971 (có mặt);

2/Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Số B N, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

3/Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973 (có mặt);

Nơi cư trú: K, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Văn L1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

(Người bị kiện xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Hà Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của đại diện người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:

Bà Hà Thị L có diện tích đất 6857,0m² tọa lạc tại phường C, thành phố C, tỉnh An Giang được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH09682, ngày 31/3/2014.

Ngày 27/12/2021 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1883/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 4.854m², thửa số 16, 17, tờ bản đồ tạm số 02 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH09682, ngày 31/3/2014, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Hà Thị L. Cùng ngày 27/12/2021 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1884/QĐ-UBND đối với bà Hà Thị L.

Bà Hà Thị L không đồng ý quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 448/QĐ-UBND-TTr, ngày 10/4/2023 với nội dung bác khiếu nại của bà Hà Thị L.

Ngày 01/11/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 1779/QĐ-UBND.

Tuy nhiên qua quá trình vận động bà Hà Thị L đã tự nguyện giao mặt bằng để chủ đầu tư thực hiện dự án.

Ngày 09/5/2023 bà Hà Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 448/QĐ-UBND-TTr ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 1779/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ số 1884/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định về việc thu hồi đất số 1883/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Căn cứ đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nói trên là: Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đ xác định diện tích đất phục vụ dự án chỉ có ở phường V, không có ở phường C B, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C lại thu hồi đất của bà L thuộc phường C B. Không ban hành thông báo thu hồi đất riêng cho hộ bà L. Thu hồi đất khi chưa có quy hoạch, kế hoạch, bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và 1/500, chưa có bản đồ địa chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Từ đó người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố C ra quyết định thu hồi đất là không đúng pháp luật nên đề nghị Tòa án hủy quyết định thu hồi đất. Do không đồng ý với quyết định thu hồi đất và yêu cầu hủy nên không có ý kiến đối với các quyết định bồi thường, hỗ trợ, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện tại Văn bản số 3526/UBND-KT, ngày 23/8/2023 có nội dung:

- Về phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đ. Địa điểm: Phường V và phường C B, thành phố C:

Ngày 21/10/2020, Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 268/TTr-UBND trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư xây dựng dự án Đường Đ với diện tích sử dụng đất 57.135,29m² gồm địa bàn phường V, phường C B, thành phố C (đính kèm bản vẽ thiết kế cơ sở).

Ngày 24/11/2020, Sở Xây dựng có văn bản số 4035/SXD-KT&QLXD về kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng Đường Đ, phường V, thành phố C và trình Ủy ban nhân dân tỉnh A xem xét, phê duyệt (đính kèm bản vẽ thiết kế cơ sở đóng dấu đã thẩm định).

Theo đó ngày 18/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 2971/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đ, phường V, thành phố C với mục tiêu đầu tư xây dựng: Mở rộng mặt đường hiện hữu tạo sự kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông đồng thời tạo quỹ đất dự trữ cho thành phố. Làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt; Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 57.135,29m².

Theo tiêu đề của dự án thì tên dự án là “Đầu tư xây dựng công trình Đường Đ, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang” nhưng trong suốt quá trình hình thành bản vẽ thiết kế, hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, hồ sơ thẩm định và trình của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thể hiện phạm vi dự án công trình đầu tư xây dựng Đường Đ thuộc địa bàn phường V và địa bàn phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, việc tiêu đề tên dự án không đầy đủ so với nội dung của dự án thì vẫn không ảnh hưởng đến bản chất cốt lõi của dự án là đầu tư xây dựng công trình Đường Đ. Địa điểm: Phường V và phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C không có ý kiến đối với việc người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L đối với yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 448/QĐ-UBND-TTr ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 1779/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ số 1884/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc thu hồi đất số 1883/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2023 người khởi kiện bà Hà Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Hà Thị L (có ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng N là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy các quyết định hành chính bị kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu: Vấn đề mấu chốt cần phải làm rõ là phường C B có bị ảnh hưởng bởi dự án và căn cứ để Ủy ban nhân dân ra quyết định thu hồi đất. Trong khi quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh không có nội dung liên quan đến phường C B. Việc thu hồi đất làm đường giao thông chưa ảnh hưởng đến phường C B, nếu cho rằng việc thu hồi đất để đưa vào quỹ đất dự trữ thì không có tài liệu thể hiện là quỹ đất dự trữ thuộc khu vực nào. Trong khi toàn bộ dự án đang được thực hiện ở phường V. Quy hoạch mở rộng đường tính từ tim đường thì phần đất bà L bị ảnh hưởng chỉ 15m. Nếu có dự án mở đường mà nhà bà L bị ảnh hưởng thì diện tích thu hồi đất cũng không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định hành chính bị kiện. Bà L là hộ gia đình chấp hành quy định của Nhà nước nên vẫn bàn giao mặt bằng, nhưng không đồng nghĩa với việc bà L đồng ý việc thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, cưỡng chế thu hồi đất của bà L là đúng quy định pháp luật, nên bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Hà Thị L làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phê duyệt đầu tư xây dựng công trình Đường Đ thì tổng diện tích đất thu hồi là 57.135,29m² nhằm mục đích mở rộng mặt đường, kết nối giao thông, làm nền tảng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Đồng thời tạo quỹ đất dự trữ cho thành phố C. Vị trí diện tích đất thu hồi phục vụ cho dự án được xác định rõ trong bản đồ hiện trạng đường đô thị tỷ lệ 1/500 được thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh A. Do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định thu hồi diện tích đất của bà L là đúng quy định tại Điều 61 và Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013.

[4] Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành Thông báo số 46/TB-UBND ngày 10/3/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ; địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án là tại phường V và phường C B. Tại Biên bản về việc lấy ý kiến các hộ dân thì hộ bà L đã được công bố thông báo thu hồi đất này.

Trong hồ sơ thu hồi đất không thể hiện Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành thông báo thu hồi đất cụ thể cho từng trường hợp, nhưng đã được Hội đồng bồi thường tổ chức họp dân công bố Thông báo số 46/TB-UBND ngày 10/3/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ trong đó có thu hồi đất của hộ bà L, và đã tiến hành kiểm kê thiệt hại đúng quy định. Tổ chức được giao làm nhiệm vụ thu hồi đất đã nhiều lần vận động bà L chấp hành quyết định

thu hồi đất nhưng bà L vẫn không chấp hành thực hiện quyết định thu hồi đất. Ngày 08/12/2022 Ủy ban nhân dân thành phố C tiếp tục vận động bà L thì bà L đồng ý giao mặt bằng cho thi công dự án.

[5] Bà L cho rằng đất của bà không nằm trong bản đồ thu hồi đất phục vụ dự án, không có bản trích đo tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Người đại diện của bà L cho rằng Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phê duyệt đầu tư dự án đường Đ không nêu địa điểm thực hiện dự án là phường C B nên việc thu hồi đất của bà L ở phường C B là không đúng. Đồng thời cho rằng việc thu hồi đất làm khu tái định cư mà chưa thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh, chưa được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Xét, tại Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh A không chỉ phê duyệt đầu tư dự án đường Đ mà còn chấp thuận cho Ủy ban nhân dân thành phố C tạo quỹ đất dự trữ. Các tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố C về đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có kèm theo bản trích đo khu đất để thực hiện dự án cũng thể hiện diện tích thực hiện dự án là 57.341.7m² và thể hiện vị trí thu hồi 01 phần đất thuộc phường C B. Việc đầu tư dự án cũng đã được chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020. Việc thu hồi đất tại phường C B là tạo quỹ đất dự phòng cho thành phố C, chưa phải là thành lập khu tái định cư như người khởi kiện trình bày. Do đó lời trình bày của người khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Theo Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường Đ thì giá đất lúa là 312.000 đồng/m². Ủy ban nhân dân thành phố C căn cứ vào giá này để bồi thường cho bà L là có căn cứ. Ngoài việc bồi thường, Ủy ban nhân dân thành phố C có xem xét hỗ trợ đúng theo quy định tại Điều 74, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013.

[7] Do việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà L là đúng quy định pháp luật, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành quyết định bác khiếu nại đối với bà L là có căn cứ. Ngoài ra, Tổ công tác về bồi thường nhiều lần vận động bà L thực hiện quyết định thu hồi đất nhưng bà L vẫn không chấp hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 1770/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà L là đúng quy định pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hà Thị L sinh năm 1946, nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

B1 yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Hà Thị L;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Áp dụng Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L đối với yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 448/QĐ-UBND-TTr ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 1779/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ số 1884/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C;

- Quyết định về việc thu hồi đất số 1883/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

2/Bà Hà Thị L được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

Hà Huy Cầu